

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Kế hoạch số 151 /KH-UBND ngày 20 / 4 /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	TIÊU CHÍ ĐẦU VÀO (INPUT) (07 CHỈ SỐ)		
1	Thẻ chế trong lĩnh vực KH&CN, ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; Các Sở, ban, ngành; UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh
2	Số lượng nhân lực KH&CN, ĐMST quy đổi toàn thời gian (FTE)/10.000 dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan
3	Số nhóm nghiên cứu mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
4	Tổng chi từ ngân sách cho KH&CN, ĐMST	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tổng chi cho KH&CN, ĐMST từ khu vực doanh nghiệp	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh
6	Hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ &ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan, UBND xã, phường; Các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
7	Hạ tầng CNTT phục vụ KH&CN ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, cơ quan liên quan, các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
II	TIÊU CHÍ VỀ KHOA HỌC (9 CHỈ SỐ)		

1	Số lượng bài báo khoa học quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE), các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
2	Số lượng bài báo khoa học trong nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
3	Tỷ lệ công bố quốc tế thuộc nhóm tạp chí uy tín cao trong lĩnh vực (IF 25%)	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE), các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
4	Tỷ lệ công bố khoa học có hợp tác quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ, các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
5	Số lượng ấn phẩm sách, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy ở đại học và sau đại học	Các Trường Đại học trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số lượt trích dẫn trung bình của bài báo được công bố trên tạp chí quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE), các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
7	Chỉ số H index của nhóm nghiên cứu được huy động và tham gia thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE), các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
8	Mức kinh phí bình quân để tạo ra một công bố khoa học quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành

			(ICISE), các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
9	Giải thưởng khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật, Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE), các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
III	TIÊU CHÍ VỀ CÔNG NGHỆ (15 CHỈ SỐ)		
1	Mức độ sẵn sàng công nghệ (Technology Readiness Level - TRL)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan
2	Số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được chấp nhận hợp lệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Số lượng sản phẩm mẫu (prototypes) được hình thành và kiểm chứng thực tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
4	Số lượng sản phẩm mới hoặc cải tiến được thử nghiệm và đạt chứng nhận tiêu chuẩn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
5	Số lượng mô hình kinh doanh và dịch vụ mới được phát triển và thử nghiệm	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới đã đề xuất và được chấp thuận	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
7	Số lượng bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng/vật nuôi/thủy sản được cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường

8	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu được thương mại hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức nghiên cứu
9	Số lượng công nghệ được hoàn thiện và chuyển giao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức nghiên cứu
10	Hiệu quả đổi mới/ cải tiến quy trình	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Tỷ lệ sản phẩm mới, cải tiến đạt tiêu chuẩn được đưa vào thị trường	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Tỷ lệ nội địa hóa	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Số lượng mô hình kinh doanh, dịch vụ được đổi mới và áp dụng	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan, Các Viện nghiên cứu, trường Đại học trên địa bàn tỉnh
15	Tỷ lệ công nghệ đạt trình độ tiên tiến so với khu vực hoặc thế giới	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương và các cơ quan liên quan
IV	TIÊU CHÍ VỀ KINH TẾ (10 CHỈ SỐ)		
1	Doanh thu từ khai thác, chuyển giao, thương mại hóa tài sản sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh
2	Doanh thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh
3	Tỷ lệ huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Doanh thu từ sản phẩm mới và sản phẩm được cải tiến	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan.
5	Số lượng doanh nghiệp hưởng lợi từ sử dụng kết quả nghiên cứu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh
6	Số lượng doanh nghiệp mới hình thành	Sở Tài chính	Sở Khoa học và

			Công nghệ
7	Giá trị tiết kiệm được do thay thế hàng hóa nhập khẩu bằng sản phẩm trong nước	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Giá trị chi phí tiết kiệm được do thay thế thiết bị nhập khẩu bằng thiết bị trong nước	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ tham gia chuỗi giá trị sản xuất trong nước và quốc tế của sản phẩm	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Giá trị kinh tế đối với các doanh nghiệp không trực tiếp tham gia	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan
V	TIÊU CHÍ VỀ XÃ HỘI (9 CHỈ SỐ)		
1	Số lượng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đào tạo, bồi dưỡng	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Số lượng việc làm mới được tạo ra	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Mức tăng năng suất lao động do ứng dụng kết quả nghiên cứu	Thống kê tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Số lượng văn bản chiến lược, chính sách và pháp luật về KH, CN & ĐMST sử dụng kết quả nghiên cứu	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan
5	Mức độ cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ công	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Mức độ cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan
7	Mức độ đóng góp vào bảo vệ môi trường và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan
8	Mức độ cải thiện chất lượng và hiệu quả khai thác hạ tầng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan

9	Mức độ thay đổi nhận thức và hành vi xã hội	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ
VI	Đánh giá chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan
VII	Đánh giá Chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức doanh nghiệp chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan
VIII	Đánh giá Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan
IX	Đánh giá Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan
X	Đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh